

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Giang- Kiểm sát V.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị B**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 16/19 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn V**; sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Số 16/19 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Km14, Quốc lộ 90, phường T, quận M, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá,

tỉnh Kiên Giang; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/5/2001, số 026, quyển số I.

Quá trình chung sống giữa bà và ông V do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; đồng thời những khi ông V uống rượu say về nhà thường dùng lời lẽ chửi bới xúc phạm bà và làm các con sợ hãi; do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn nên bà và ông V đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2018 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà B xác định quá trình chung sống giữa bà và ông V có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thanh K – sinh ngày 20/5/2003 và Nguyễn Trọng N- sinh ngày 29/5/2007. Từ khi bà và ông V sống ly thân đến nay các con đều sinh sống cùng bà, do đó khi ly hôn bà yêu cầu giao con chung cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 25/02/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày được tóm tắt như sau:**

Ông V đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đã biết được các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B; đồng thời xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B như sau:

Về hôn nhân: Ông V có nguyện vọng được đoàn tụ cùng bà B nuôi con, nhưng trường hợp bà B cương quyết ly hôn thì ông đồng ý theo yêu cầu của bà B.

Về con chung: Ông V xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thanh K – sinh ngày 20/5/2003 và Nguyễn Trọng N- sinh ngày 29/5/2007. Trường hợp bà B được ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con ông sẽ tự thỏa thuận với bà B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lập ngày 15/10/2018, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Thanh K và cháu Nguyễn Trọng N (con chung giữa ông V và bà B) như sau:** Cháu K và cháu N hiện đang sinh sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị B, các cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà B nếu cha mẹ ly hôn.

*** Tại phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị B xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu về việc nuôi con chung; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ông Nguyễn Văn V có đơn đề ngày 25/02/2020 xác định giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà B được ly hôn với ông Nguyễn Văn V; đồng thời đề nghị giao con chung tên Nguyễn Thanh K – sinh ngày 20/5/2003 và Nguyễn Trọng N- sinh ngày 29/5/2007 cho bà B nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con bà B không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung bà B và ông V xác định tự thỏa thuận, về nợ chung bà B và ông V xác định không có; nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn V và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại biên bản xác minh của Tòa án đối với Cảnh sát khu vực khu phố 3, phường S thì ông Nguyễn Văn V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 16/19 đường T, khu phố 3, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, nhưng ông V đã không còn cư trú sinh sống tại địa chỉ này từ tháng 3 năm 2018 (tức trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án).

Tại phiên tòa, bà B trình bày thời điểm khởi kiện do không biết địa chỉ cư trú mới của ông V nên bà đã căn cứ vào địa chỉ cư trú sau cùng của ông V ở số 16/19 đường T, khu phố 3, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang để nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, qua tìm hiểu bà được biết do tính chất công việc nên ông V không có nơi cư trú ổn định, nhiều lần thay đổi chỗ ở và hiện nay ông V đang làm việc, sinh sống tại địa chỉ Km14, Quốc lộ 90, phường T, quận M, Thành phố Cần Thơ; nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá là Tòa án nơi bà cư trú tiếp tục giải quyết vụ án. Phía ông V cũng trình

bày tại bản tự khai xác định ông có hộ khẩu thường trú tại số 16/19 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang nhưng do công việc thay đổi ông phải đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay là tại Thành phố Cần Thơ; nên ông thống nhất ý kiến của bà B yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá tiếp tục giải quyết vụ án. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của nguyên đơn và bị đơn về việc thỏa thuận Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá là Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết vụ án, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn ông Nguyễn Văn V có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông V.

[4] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, ông bà đã được UBND phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/5/2001; do đó vào thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân ông bà đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là có hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà B và ý kiến trình bày của ông V, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, bà B xác định quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cãi vã làm tình cảm rạn nứt, mặc dù vợ chồng nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mâu thuẫn không được giải quyết nên bà và ông V đã không chung sống với nhau từ khoảng giữa năm 2018 cho đến nay, do mỗi người sống một nơi không quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà không đồng ý đoàn tụ và xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V; phía ông V cũng xác định ý kiến trong trường hợp bà B không đồng ý đoàn tụ thì ông V cũng thống nhất ly hôn với bà B.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hôn nhân không có khả năng đoàn tụ. Do đó sau khi

ngợi án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, xử cho bà được ly hôn với ông V.

[6] Xét yêu cầu của bà B và ý kiến của ông V về việc nuôi con chung là cháu Nguyễn Thanh K – sinh ngày 20/5/2003 và cháu Nguyễn Trọng N- sinh ngày 29/5/2007, Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi bà B và ông V sống ly thân đến nay, cháu K và cháu N đều sinh sống cùng bà B và được bà trực tiếp chăm sóc, giáo dục; bà B đã thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của con; phía ông V cũng có ý kiến xác định trường hợp vợ chồng ly hôn thì ông cũng thống nhất giao con chung cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, yêu cầu của bà B và ý kiến của ông V về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, đồng thời phù hợp nguyện vọng của cháu K và cháu N; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà B, giao cháu Nguyễn Thanh K và cháu Nguyễn Trọng N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà B không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về tài sản chung: Bà B và ông V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà B và ông V thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn V.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung giữa bà B và ông V là cháu Nguyễn Thanh K – sinh ngày 20/5/2003 và cháu Nguyễn Trọng N- sinh ngày 29/5/2007 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà B đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0008439 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2020). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến